

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/05/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+RP2	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
2		P2+BK3+BK5	7:25	19+0+3	0+0+0		15+2+5	0+0+0	chuyen 1 bk3-bk5
3		BK8+PPD	7:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
4		PVD8+TTC1	7:25	18+0	0+0		12+7	0+0	ec225
5		SAVR+PVD8	7:25	12+7	0+0		6+13	0+0	ec225
6		BK14+P10+P4	9:25	4+1+16	0+0+0		4+1+17	0+0+0	chuyen 2 p10-p4
7		RP3+RC3+P1	9:25	21+0+1	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
8		M/RM	9:25	20	0		22	0	
9		CTC1+RP2	9:25	11+8	0+0		10+9	0+0	ec225
10		PVD8+P2	9:25	7+12	0+0		3+16	0+0	ec225
11		PPD+P11+TTC3	11:45	19+0+3	0+0+0		10+8+4	0+0+0	
12		M/RM+RP2+RC10	11:45	4+14+3	0+0+0		0+18+3	0+0+0	
13		P2+BK6+BK8	11:45	11+6+5	0+0+0		7+7+5	0+0+0	chuyen 4 bk6-bk8

TTDDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
Đi về trong ngày BK8-Ing, RP2-Ing, RC3-Ing



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC3 - RP2	CREW: LINH - SON - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2304	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU LE TRUNG	RC3	65	1	16	2	20	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN XUAN	RC3	58	1	4			73	DK9	Vietnamese
3	DUONG CONG PHUNG	RC3	61	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO KHANH NAM	RC3	62	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN QUANG TUAN	RC3	67	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
6	DAU CAO QUYET	RC3	59-60	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
7	DO QUANG KHAI	RC3	66	1	10			92	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN BINH LONG	RP2	12-13	2	19			82	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH XUAN GIANG	RP2	10	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG HOANG	RP2	02	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM XUAN KHOA	RP2	09	1	13			66	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN DIEN	RP2	05-06	2	11			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	15-17	3	16			84	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN KHUONG	RP2	19-20	2	15			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN LE MINH TUAN	RP2	14	1	12			98	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG QUE	RP2	01	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
17	DOAN DINH DUNG	RP2	03-04	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
18	LE XUAN QUY	RP2	07-08	2	11			74	YTE	Vietnamese
19	TO HUU THANG	RP2	18	1	3			81	DK9	Vietnamese
20	NGUYEN DUY HUNG	RP2	11	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
21	DO DUC CUONG	RP2						80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG HA	RP2	21	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	7	520	8	69	2	20	6		
2	RP2	15	1.135	21	147	0	0	16		
TOTAL		22	1.655	29	216	2	20	22		
WEIGHT KG			1.655		216		20			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGO VAN LINH  
PHAM THAI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P2 - BK3 - BK5	CREW: VIỆT - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2307	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SHEREMETIEV A.V.	P2				1	20	83	D-HANH	Russian
2	KOZLOV I.G.	P2	95	1	2			102	D-HANH	Russian
3	NGUYEN HOAI VU	P2						63	D-HANH	Vietnamese
4	DUBOB ALEKSANDR	P2	93	1	5			96	KH-THAC	Russian
5	DUONG XUAN DIEP	P2	83	1	4			47	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ ANH NGOC	P2	98-99	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH ĐỨC	P2	87	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOAN NGUYEN BAO CHAU	P2	92	1	2			56	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG XUAN THAI	P2	89-90	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGUYEN HOANG PHUC	P2	86	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAC ĐỨC HUY	P2	88	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TUÊ	P2						70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	84-85	2	13			74	YTE	Vietnamese
14	KIM DONALT.V.	P2	94	1	2			96	YTE	Russian
15	BRANCHUKOV V.B.	P2	96	1	2			74	D-HANH	Russian
16	ZAKLADNYI R.N.	P2						100	D-HANH	Russian
17	CHU QUYNH AN	P2	700	1	6			104	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	97	1	2			78	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN HIEU	P2	91	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI HAI HA	BK5	53-54	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	55	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI TRAN VIET	BK5	51-52	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	19	1.466	18	80	1	20	15		
2	BK3	0	0	0	0	0	0	2	CHUYỂN 01 PAX TỪ BK3 SANG BK5	
3	BK5	3	201	5	25	0	0	5		
TOTAL		22	1.667	23	105	1	20	22		
WEIGHT KG			1.667		105		20			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.  
  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.  
  
NGUYỄN MAI PHI

CREW  
  
NGUYỄN QUANG VIỆT   
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK8 - PPD	CREW: DƯƠNG - N.ANH - VŨ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2310	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TAT HOA	BK8						75	KH-THAC	Vietnamese
2	ARTIUSHIN S.I	BK8	97	1	4			82	ANTOAN	Russian
3	LUU DINH TRONG	BK8	99	1	14			78	DVL	Vietnamese
4	HOANG SY NGOC	BK8	96	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN THANH SON	BK8	98	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	GALLIAMOV I.M	PPD	09	1	5	4	75	63	KH-THAC	Russian
7	DINH THE QUAN	PPD	07	1	4			69	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NAM	PPD	05	1	8			63	KHI	Vietnamese
9	TRAN VAN DUNG	PPD	01	1	3			77	KHI	Vietnamese
10	BUI VAN CHINH	PPD	14	1	9			70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TA	PPD	13	1	3			70	KHI	Vietnamese
12	TRAN LE RANG	PPD	08	1	7			83	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	10-11	2	5			69	KHI	Vietnamese
14	KOLESNIK A.Y	PPD	12	1	10			106	KHI	Russian
15	DOAN THANH CONG	PPD	15	1	8			71	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HA	PPD	18	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG HOANG	PPD	19	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO KIM NGHIEM	PPD	16	1	15	3	35	83	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHONG	PPD						65	ANTOAN	Vietnamese
20	LE MINH PHUNG	PPD	06	1	6			78	KHI	Vietnamese
21	CHU MINH PHUONG	PPD	03-04	2	10			91	KHI	Vietnamese
22	PHAM HAI QUANG	PPD	02	1	4			69	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	5	367	4	31	0	0	2		
2	PPD	17	1.275	18	113	7	110	20		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.642</b>	<b>22</b>	<b>144</b>	<b>7</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.642</b>		<b>144</b>		<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: PVD8 - TTC1	CREW: LƯU MẠNH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2295	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TÀ HỮU HỒ	PVD8	64-65	2	13			69	DMC-MI	Vietnamese
2	TRINH XUAN CUONG	PVD8	46	1	6			66	PVD DD	Vietnamese
3	LE HONG PHONG	PVD8	47	1	10			79	PVD DD	Vietnamese
4	NGUYEN HUU CUONG	PVD8	57-59	3	20			79	PVD OFFSH	Vietnamese
5	PHAM QUANG VINH	PVD8	44	1	7			66	PVD LOGGI	Vietnamese
6	ĐINH ĐỨC TRUNG	PVD8	42-43	2	14			87	PVD LOGGI	Vietnamese
7	LE TRUNG SON	PVD8						76	D-HANH	Vietnamese
8	BUI ANH TU	PVD8	52	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	PVD8	63	1	10			96	KH-THAC	Vietnamese
10	IAN CRAIG BREETON	PVD8	45	1	12			92	PVD DD	British
11	MOHD IRWAN BIN YHASSER	PVD8	50-51	2	17			102	PVD DD	Malaysian
12	NGUYEN TRUNG HIEU	PVD8	48-49	2	5			60	PVD DD	Vietnamese
13	PHAN TAN THANH	PVD8	62	1	6			62	PVD TECH	Vietnamese
14	TRUONG VIET QUANG	PVD8	55	1	12			71	PVD TECH	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TUAN	PVD8	60-61	2	13			88	PVD TECH	Vietnamese
16	LE TAN DAT	PVD8	66	1	5			54	PVD OFFSH	Vietnamese
17	NGUYEN DUY THANH	PVD8	54	1	8			83	PVD OFFSH	Vietnamese
18	PHAM VAN DUONG	PVD8	53	1	6			71	PVD OFFSH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.371	24	174	0	0	12		
2	TTC1	0	0	0	0	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.371</b>	<b>24</b>	<b>174</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.371</b>		<b>174</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:50
B.CARD: NÂU-1	TO:SAVR- PVD8	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/2297		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM HUY THƯƠNG	SAVR	17	1	10			83	NT-DATAC	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG HẬU	SAVR	07	1	9			60	NT-DATAC	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN DŨNG	SAVR	06	1	11			78	NT-DATAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN HÙNG	SAVR	08	1	10			74	NT-DATAC	Vietnamese
5	PHẠM THẾ QUANG	SAVR	12	1	14			75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN TÂM	SAVR	09	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	SAVR	13-14	2	18			62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM LÊ TUẤN ANH	SAVR	15-16	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐẠI KHOA	SAVR	10-11	2	17			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	SAVR	18-19	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ XUÂN DƯƠNG	SAVR	01-02	2	17	1	7	76	BAKER HUC	Vietnamese
12	PHẠM TRÍ DŨNG	SAVR	03	1	9	2	23	61	BAKER HUC	Vietnamese
13	HỒ HOANG ANH	PVD8	42	1	9	2	30	91	PVD OFFSH	Vietnamese
14	NGUYỄN THẠC NGHĨA	PVD8	41	1	3			67	PVD OFFSH	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NHÂN	PVD8	46	1	4			59	PVD OFFSH	Vietnamese
16	PHẠM KIM HUY	PVD8	47	1	7			70	PVD OFFSH	Vietnamese
17	PHAN NHỰ KHOA	PVD8	43-44	2	9			55	PVD OFFSH	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THANH	PVD8	48	1	8			57	PVD OFFSH	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÔNG HAI	PVD8	45	1	4			56	PVD OFFSH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO			PAX	CARGO
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	12	839	17	154	3	30	6		
2	PVD8	7	455	8	44	2	30	13		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.294</b>	<b>25</b>	<b>198</b>	<b>5</b>	<b>60</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.294</b>		<b>198</b>		<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.552 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THÙY

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG

1600 kg (P. AS)



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK14 - P10 - P4	CREW: LINH - SON - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2305	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ NGỌC BÈN	BK14	80	1	16	2	28	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	BK14	85-86	2	17			74	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ HỒNG QUÂN	BK14	82-84	3	20			83	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THANH	BK14	81	1	14			80	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG CÔNG ĐẠT	P10	93-94	2	11	3	55	66	YTE	Vietnamese
6	ĐÌNH NGỌC QUY	P4	76	1	4	1	13	79	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	84	1	6			61	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	81	1	7			68	KHI	Vietnamese
9	TÀ XUÂN HIỆU	P4	77	1	5			64	KHI	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4						83	KHI	Vietnamese
11	LÊ TRUNG LAM	P4						71	KHI	Vietnamese
12	PHAN HỒNG TÂM	P4	79,82	2	8			64	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NĂM	P4	78	1	4			72	KHI	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	74	1	8			78	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4						78	KHI	Vietnamese
16	LÊ XUÂN HIỀN	P4						61	KHI	Vietnamese
17	LÊ HỒNG PHONG	P4						81	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	83	1	5			61	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÀI	P4						70	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN HAI	P4	85	1	6			57	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG THĂNG	P4	80	1	6			83	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	4	310	7	67	2	28	4		
2	P10	1	66	2	11	3	55	1 + 2		CHUYEN 2 PAX P10-P4
3	P4	16	1.131	11	59	1	13	17		
TOTAL		21	1.507	20	137	6	96	22		
WEIGHT KG			1.507		137		96			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP3 - RC3 - P1	CREW: VIỆT - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/2308	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LAM TIEN PHI	RP3	76	1	6			82	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN SANG	RP3	62	1	3			61	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CU	RP3	73	1	4			59	KHI	Vietnamese
4	HO VAN LUONG	RP3	68	1	6			64	KHI	Vietnamese
5	NGO NGOC HAN	RP3	79	1	6			62	KHI	Vietnamese
6	LE NHU NGUYEN	RP3	38-39	2	9			66	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	78	1	3			81	KHI	Vietnamese
8	ĐANG HUY KHANH	RP3	37	1	6			81	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN LAP	RP3						61	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VIET KY	RP3	70-71	2	10			71	KHI	Vietnamese
11	HA THE BAO	RP3						80	KHI	Vietnamese
12	PHAM BINH NAM	RP3	69	1	5			61	KHI	Vietnamese
13	TRAN DUY TAN	RP3	80	1	6			75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN MINH HOAN	RP3	63-64	2	12			57	KHI	Vietnamese
15	TRIEU QUANG TIEN	RP3	65-66	2	13			68	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN BANG	RP3	67	1	7			85	KHI	Vietnamese
17	BUI VINH THANH	RP3	61	1	8			66	KHI	Vietnamese
18	TRAN HA THANH TAM	RP3	77	1	6			68	KHI	Vietnamese
19	HO VAN LINH	RP3	74-75	2	9			74	KHI	Vietnamese
20	HA TUAN ANH	RP3	72	1	6			56	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC HA	RP3	60	1	11			102	KHI	Vietnamese
22	ĐANG VAN CHUAN	PI	74	1	7			68	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.480	24	136	0	0	14		
2	RC3	0	0	0	0	1	20	2		
3	PI	1	68	1	7	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.548</b>	<b>25</b>	<b>143</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.548</b>		<b>143</b>		<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

NGUYEN QUANG VIET   
 NGUYEN DUC HANH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO:MRM	CREW: DUONG - N.ANH - VŨ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/2311	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HOANG SON	MRM	27	1	6			74	DVL	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THAI	MRM	30	1	10			68	DVL	Vietnamese
3	LUONG MANH HAI	MRM	28	1	17			80	DVL	Vietnamese
4	PHAM XUAN HUNG	MRM	29	1	13			69	DVL	Vietnamese
5	BARANOVSKII ANDREI	MRM	08	1	13			61	AMHTP	Russian
6	ZAGULIN ALEKSANDR	MRM	18-19	2	15			85	AMHTP	Russian
7	GILAEV AZAT	MRM	26	1	9			97	AMHTP	Russian
8	LOGANOV VITALII	MRM	05-06	2	11			93	AMHTP	Russian
9	PIKULSKII TIMUR	MRM	09-10	2	12			135	AMHTP	Russian
10	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	07	1	6			92	AMHTP	Russian
11	ABROSIMOV MAKSIM	MRM	16-17	2	14			95	AMHTP	Russian
12	KURAMAGOMEDOV GADZHI	MRM	11-12	2	13			96	AMHTP	Russian
13	MIZERA ROMAN	MRM	03-04	2	14			91	AMHTP	Russian
14	SYCHEV VALERII	MRM	14	1	17			94	AMHTP	Russian
15	ISAKOV ALEKSEI	MRM	22	1	11			102	AMHTP	Russian
16	NIKULIN ALEXANDR	MRM	15	1	19			85	AMHTP	Russian
17	KONANOV IVAN	MRM	25	1	13			68	AMHTP	Russian
18	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	13	1	15			75	AMHTP	Russian
19	AZBERGENOV DASTEM	MRM	23-24	2	13			87	AMHTP	Russian
20	BASYROV IRSHAT	MRM	20-21	2	6			92	AMHTP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	20	1.739	28	247	0	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.739</b>	<b>28</b>	<b>247</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.739</b>		<b>247</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.986 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:15
B.CARD: TRẮNG-2	TO: CTC1 - RP2	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 12:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/2296	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRUNG HIỆU	CTC1	91-92	2	12			89	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	85	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN LÝ	CTC1	82	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG KHOA	CTC1	87	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ MẠNH DŨNG	CTC1	90	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HOANG SANG	CTC1	89	1	3			94	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	80-81	2	16			59	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM BUI ĐÌNH LỘC	CTC1	86	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SY HIEU	CTC1	79	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TIẾN DŨNG	CTC1	88	1	9			69	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH DANH	CTC1	83-84	2	13	2	21	54	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG TÀN	RP2	83-84	2	14	2	25	66	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ HOÀNG CẨM	RP2	80	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TUẤN	RP2	77	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TRƯƠNG CHÍNH	RP2	79	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
16	VU HUU QUAN	RP2	78	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	82	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	81	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGÓN QUANG DUY	RP2	85	1	10			96	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	11	826	14	95	2	21	10		
2	RP2	8	542	9	52	2	25	9		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.368</b>	<b>23</b>	<b>147</b>	<b>4</b>	<b>46</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.368</b>		<b>147</b>		<b>46</b>			

GRAND TOAL: 1.561 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 10:20
B.CARD: NAU - 2	TO: PVD8 - P2	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 12:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/2298	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGÔ TRUNG KIẾN	PVD8	34	1	5			58	PVD OFFSH	Vietnamese
2	LUÔNG QUỐC DUNG	PVD8	35	1	4			72	PVD OFFSH	Vietnamese
3	HỒ SY ĐỨC	PVD8	98-99	2	16			92	PVDWS	Vietnamese
4	DUÔNG TUẤN ANH	PVD8	37-38	2	16			62	PVD OFFSH	Vietnamese
5	LÊ VĂN ĐẠI	PVD8	88	1	14	4	49	70	PVD OFFSH	Vietnamese
6	TRẦN THANH PHƯƠNG	PVD8	86-87	2	12			78	PVD OFFSH	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU THANH	PVD8	36	1	7			58	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	08	1	8			55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	05	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐẠI NGHĨA	P2	02	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CÔNG THÀNH	P2	14-15	2	13			78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	04	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	07	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH PHÚC	P2	06	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ NGỌC DŨNG	P2	03	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TẤN	P2	09-10	2	13			75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	12-13	2	18			64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH HIỀN	P2	11	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	16	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	7	490	10	74	4	49	3		
2	P2	12	834	15	100	0	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.324</b>	<b>25</b>	<b>174</b>	<b>4</b>	<b>49</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.324</b>		<b>174</b>		<b>49</b>			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: PPD - P11 - TTC3	CREW: LINH - SON - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/2306	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ CỬ	PPD	27	1	9			69	KHI	Vietnamese
2	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	48-49	2	13			107	KHI	Vietnamese
3	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	28	1	5			64	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	47	1	6			77	KHI	Vietnamese
5	BUI THANH	PPD	37	1	2			62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	PPD	46	1	4			72	KHI	Vietnamese
7	LÊ VĂN DŨNG	PPD	43-44	2	15			63	KHI	Vietnamese
8	TRẦN ANH NGUYỄN	PPD	45	1	8			67	KHI	Vietnamese
9	THEVARAJAN SUBRAMANIAM	PPD	41-42	2	19			99	KHI	Malaysian
10	PHẠM NGỌC CHÍNH	PPD						59	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VŨ	PPD	34	1	9			72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CAO	PPD	31	1	10			68	KHI	Vietnamese
13	NGŨ MINH CƯỜNG	PPD	33	1	6			77	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG SƠN	PPD	40	1	10			65	KHI	Vietnamese
15	VŨ TUẤN MINH	PPD	37-39	3	17			55	KHI	Vietnamese
16	PHẠM MINH VƯƠNG	PPD						57	KHI	Vietnamese
17	TRẦN MINH THUẬN	PPD	35	1	4			73	PSV	Vietnamese
18	LY CHUYỀN CHIÊU	PPD	36	1	6			104	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	29	1	4			70	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN NGHĨ	TTC3	20-21	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN TIỆP	TTC3	23-24	2	16	3	65	70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HUY	TTC3	22	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	19	1.380	22	147	0	0	10		
2	P11	0	0	0	0	0	0	8		
3	TTC3	3	211	5	46	3	65	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.591</b>	<b>27</b>	<b>193</b>	<b>3</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.591</b>		<b>193</b>		<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO:MRM - RP2 - RC10	CREW: QVIỆT - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/2309	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	35	1	15			97	AMHGP	Russian
2	KOVALENKO ARTUR	MRM	34	1	18			82	AMHGP	Russian
3	TRIFONOV STANISLAV	MRM	33	1	9			98	AMHGP	Russian
4	PHẠM THANH HA	MRM	31-32	2	12			67	AMHGP	Vietnamese
5	LÊ LAM	RP2	22	1	5	3	60	67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HOANG LONG	RP2	32-33	2	18			81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	38	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HỢP	RP2	31	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TUAN CUONG	RP2	30	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	26	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG NGỌC THÀNH	RP2	25	1	3			96	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ ĐỨC LONG	RP2	37	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HÙNG	RP2	34-35	2	12			67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	RP2	27	1	9			81	PSV	Vietnamese
15	VÔ VĂN TUẤN TỬ	RP2	28-29	2	10			71	PSV	Vietnamese
16	LÊ HOÀI NAM	RP2	36	1	5			58	PSV	Vietnamese
17	LÊ NGỌC HẢI	RP2	23-24	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TẤT THÀNH	RC10	46	1	5	2	25	60	KH-THAC	Vietnamese
19	TẠ VĂN VIỆT	RC10	47	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	4	344	5	54	0	0	1		
2	RP2	13	935	17	103	3	60	18		
3	RC10	3	208	2	12	2	25	3		
TOTAL		20	1.487	24	169	5	85	22		
WEIGHT KG			1.487		169		85			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

*[Signature]*

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

*[Signature]*

NGUYỄN MAI PHI

CREW

*[Signature]*

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG-3	TO: P2 - BK6 - BK8	CREW: DUONG - NPHU - THU	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM26/2312	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TANG MANH HA	P2	69	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LOI	P2	70	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THUONG	P2	73	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUOC TIEN	P2	80-81	2	12			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VU HUNG	P2	67	1	12	2	22	79	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN CONG THANH	P2	77-78	2	17			68	CODIEN	Vietnamese
7	TRAN TUAN ANH	P2	79	1	7			72	CODIEN	Vietnamese
8	ĐANG QUANG LỘC	P2	72	1	13			63	CODIEN	Vietnamese
9	TRINH CONG SON	P2	74-75	2	12	1	16	53	CODIEN	Vietnamese
10	TRAN VAN ĐỨC	P2	68	1	4			54	PSV	Vietnamese
11	TRAN VAN HUU	P2	71	1	6			65	PSV	Vietnamese
12	LE NGOC AN	BK6	26	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HUY TIEN HAI	BK6	23	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG ĐAN	BK6	28	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN MINH	BK6	24-25	2	14			60	CODIEN	Vietnamese
16	LE BA TU	BK6	29	1	8			66	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHE	BK6				1	16	72	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHAI	BK8	19-20	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐAC CANH	BK8	21	1	6			68	PSV	Vietnamese
20	DUONG BA VINH	BK8	22	1	16			97	DVL	Vietnamese
21	VU VAN NAM	BK8	26	1	15	1	19	74	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NAM	BK8	23-24	2	20			73	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	11	753	14	108	3	38	7		
2	BK6	6	410	6	48	1	16	7+	4	CHUYEN 4 PAX BK6-BK8
3	BK8	5	382	7	68	1	19	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.545</b>	<b>27</b>	<b>224</b>	<b>5</b>	<b>73</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.545</b>		<b>224</b>		<b>73</b>			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ

